

Bản án số: 646/2025/DS-PT
Ngày 11 tháng 6 năm 2025
V/v: “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1238/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 294/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1656/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Huỳnh Thị L (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Nguyễn Thanh M (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

8. Bà Diệp Thị L1, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

9. Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

10. Ông Nguyễn Dương H3, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

11. Bà Phan Tú L2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

12. Bà Nguyễn Thùy L3, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: N Jalan Lintang Taman Linhtang M 31100 Sung AI S.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thùy L3: Ông Nguyễn Minh H4, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

13. Ông Nguyễn Minh H4, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

14. Ông Lý Ngọc H5, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

15. Bà Huỳnh Thị P2, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

16. Ông Lê Văn D1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

17. Bà Lê Hoàng A, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

18. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B;

Địa chỉ: Số G, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh B (Văn bản ủy quyền số 861 ngày 03/4/2024) (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

19. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn K - Chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2020 các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Cha ông là cụ Nguyễn Tài T1, chết ngày 03/9/1986, mẹ là cụ Trần Thị K1, chết ngày 28/4/2004. Cụ T1 và cụ K1 có 8 người con gồm: Thứ nhất là Nguyễn Thanh N, sinh năm 1954 chết năm 1987, vợ là Lê Hoàng A, sinh năm 1953, có 3 người con là Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thanh H2. Thứ hai là Nguyễn Thanh H6, sinh năm 1957, chết năm 2021, có vợ là Diệp Thị L1, sinh năm 1961 và có 4 người con là Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Dương H3, Nguyễn Thùy L3 và Nguyễn Minh H4. Thứ ba là Nguyễn Thành D, sinh năm 1958; thứ tư là Nguyễn Thanh T, sinh năm 1960; thứ năm là Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1962; thứ sáu là Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1965; thứ bảy là Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968 và thứ tám là Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1972, (chết năm 2012 không có chồng, con).

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của ông bà ngoại ông H khai phá từ trước năm 1954, sau đó ông bà ngoại để lại cho cha mẹ ông H là cụ T1 và cụ K1 sử dụng trồng cây, hoa màu, trên đất có khu mồ mả. Cụ T1 và cụ K1 chết không để lại di chúc. Nay ông T tự ý đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng một phần đất cho người khác, nên ông H khởi kiện yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7.200m², cấp cho ông T và chia thừa kế tài sản theo pháp luật, ông H xin nhận hiện vật; yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà là 20.000.000 đồng; chia tiền bồi thường (29.189.000 đồng + 295.000.000 đồng).

Đến ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn ông H rút một phần yêu cầu đối với một phần đất không yêu cầu chia là diện tích 1.198,5m² và diện tích 644,8m²; rút yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà; rút yêu cầu chia tiền bồi thường (29.189.000 đồng + 295.000.000 đồng).

Ông H còn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Thanh T đứng tên; yêu cầu chia thừa kế diện tích đất theo hiện trạng đo đạc gồm: Diện tích đất 1.181,6m²; diện tích 3.299,5m² và diện tích 1.305,9m². Yêu cầu chia thừa kế phần đất nêu trên theo pháp luật và yêu cầu được nhận hiện vật.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Trần Thanh T2 trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về nội dung cụ ông Nguyễn Tài T1 và cụ bà Trần Thị Kim V ngày tháng năm chết, cụ T1 và cụ K1 có 8 người con như nguyên đơn trình bày. Ông T2 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn ông H về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế, vì các diện tích đất trên là tài sản của ông T2 đã được mẹ là cụ K1 cho ông T2 từ năm 2002, khi cụ K1 còn sống và ông T2 đã đăng ký kê khai được cấp quyền sử dụng đất từ ngày 14/10/2003, cấp lại biên động ngày 31/12/2019 và có chuyển nhượng một phần đất cho người khác, nên hiện nay cấp lại ngày 27/8/2020 diện tích còn 3.299,5m² và đã cất nhà sử dụng, anh em trong gia đình ai cũng biết nên không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B: Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Đ, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu: Người đại diện theo pháp luật ông Trần Tuấn K, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc P trình bày: Bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bà được nhận di sản thì bà không nhận mà đề nghị chia đều cho hàng thừa kế được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc P1 trình bày: Bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bà được nhận di sản thì bà xin nhận giá trị; không nhận phần của bà P cho mà cho ông H phần này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh D3 trình bày: Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp ông được nhận di sản thì xin nhận giá trị và đồng ý nhận phần của bà P cho.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hoàng A trình bày: Bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp bà được nhận di sản thì bà xin nhận giá trị;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh H2 trình bày: Anh H1, anh H2 là con của ông Nguyễn Thanh N, thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trường hợp các anh được nhận di sản thì xin nhận hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H4 trình bày: Anh H4 là con của ông Nguyễn Thanh H6, không có yêu cầu gì; trường hợp anh được nhận di sản thì xin chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Dương H3 trình bày: Anh là con ông Nguyễn Thanh H6. Ngày 18/6/2020 anh và vợ là Phan Tú L2 đã nhận chuyển nhượng của ông T2 một phần đất ngang 12m dài 17m giá 20.000.000 đồng để cất nhà tạm ở, do không có chỗ ở; không yêu cầu xem xét việc chuyển nhượng đất với ông T2, tự thỏa thuận; không có yêu cầu gì trong vụ xin chia thừa kế; trường hợp anh H3 được nhận di sản thì xin chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Tú L2 trình bày: Chị L2 là vợ của anh Nguyễn Dương H3, vợ chồng chị đã nhận chuyển nhượng một phần đất của ông T2 vào năm 2020, thống nhất như ý kiến của anh H3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Diệp Thị L1 trình bày: Bà L1 là vợ ông Nguyễn Thanh H6; không có yêu cầu gì trong vụ xin chia thừa kế; trường hợp bà được nhận di sản thì xin chia theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Ngọc H5 và chị Huỳnh Thị P2 trình bày: Năm 2014 anh H5 chuyển nhượng đất của ông T2 khoảng 1 công tằm cây, thuộc thửa 55, tờ bản đồ 194 diện tích 1.305,9m², phần đất này hiện tranh chấp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Năm 2019 anh H5 chuyển nhượng đất của ông T2 một phần chiều ngang 20m dài khoảng 60m giá 1m chiều ngang 42.000.000 đồng, đã được cấp giấy tại thửa 259, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.198,5m² đứng tên anh Lý Ngọc H5 và chị Huỳnh Thị P2, hiện xây dựng quán Karaoke. Đầu năm 2020 anh chuyển nhượng thêm đất của ông T2 một phần chiều ngang 14m dài khoảng 60m giá 250.000.000 đồng, phần đất này hiện tranh chấp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Trong năm 2020 anh H5 hùn với Lê Văn D1 chuyển nhượng đất của ông T2 giá 35.000.000 đồng/1m chiều ngang, phần đất này hiện ông D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại thửa 245, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.181,6m², (ông D1 đã thỏa thuận trả lại phần hùn xong). Cuối năm 2020 anh H5 chuyển nhượng đất của ông T2 chiều ngang 10m giá 34.600.000 đồng/1m chiều ngang, phần đất này hiện tranh chấp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Anh H5 và chị P2 yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng đất đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác còn lại trong vụ án, do không đến Tòa án theo giấy triệu tập, nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh T, do rút một phần khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích 1.198,5m², diện tích 644,8m², chia tiền bồi thường (29.189.000 đồng + 295.000.000 đồng); yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh T.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Lê Hoàng A và anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh M, anh Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1985) mỗi người số tiền là 66.823.593 đồng.

2.2. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Diệp Thị L1 và anh Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1982), anh Nguyễn Dương H3, anh Nguyễn Minh H4 và chị Nguyễn Thùy L3 mỗi người số tiền là 53.458.874 đồng.

2.3. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Thanh D3 số tiền là 267.294.374 đồng

2.4. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Ngọc P1 số tiền là 229.109.464 đồng.

2.5. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền là 305.479.284 đồng.

3. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T các phần đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có các phần như sau:

**Phần 1:* Diện tích: 1.181,6m² thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng cho Lê Văn D1, (do ông T đã chuyển nhượng cho ông D1).

- Hướng Đông giáp đường X- Cái Cùng 13,58m + 1,88m;
- Hướng Tây giáp đất Trần Hoàng P3 10,49m + 4,5m;
- Hướng Nam đất Nguyễn Thanh T 25,99m+ 43,22m;
- Hướng Bắc giáp đất Trần Hoàng P3 và đường đất 56,14m + 16,44m + 1,48m.

**Phần 2:* Diện tích 3.299,5m² thuộc thửa 257 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T;

- Hướng Đông giáp đường X- Cái Cùng 0,19m + 19,85m + 23,07m+ 38,16m;
- Hướng Tây giáp đất Phan Văn T3 và Trần Hoàng P3 21,85m + 36,50m + 1,87m + 20m + 32,22m +4,50m;
- Hướng Nam đất Nguyễn Thanh H7 20m + 27,06m + 7,20m;
- Hướng Bắc giáp đất phần 1 ông D1 quản lý 43,22m + 10,49m.

**Phần 3:* Diện tích 1.305,9m² thuộc thửa 55, 194, một phần thửa 69, tờ bản đồ 41, chưa được cấp giấy quyền sử dụng đất.

- Hướng Đông giáp đất Huỳnh Thị H8, Trương Hoàng D4, Lâm Văn H9 2,5m + 11,68m + 44,82m + 2,12m +19,73m;
- Hướng Tây giáp đường X- Cái Cùng 14,71m + 3,02m + 22,32m + 7,42m;
- Hướng Nam giáp đường G- Gò Cát 16,98m;

- Hướng Bắc giáp đường X- Cái Cùng 41,59m.

4. Ông Nguyễn Thanh T được quyền đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các diện tích được công nhận nêu trên, (trừ diện tích: 1.181,6m² thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng cho Lê Văn D1, do ông T đã chuyển nhượng cho ông D1), theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản, và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2024, Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là đề nghị sửa án sơ thẩm. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Thanh T trình bày: Năm 2020, Ủy ban nhân dân xã có hoà giải. Năm 2024, Toà án tỉnh mới giải quyết do Toà án cấp huyện chuyển hồ sơ vào tháng 10/2023. Thời hiệu khởi kiện đã hết vì ông T1 chết năm 1986 là hết 30 năm nên ông không đồng ý chia thừa kế.

Bà Lê Hoàng A trình bày: Đất của ông bà ngoại khai phá, sau đó ông bà ngoại để lại cho cha mẹ. Đất các thành viên được hưởng thừa kế.

Ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh D3, bà Diệp Thị L1, bà Nguyễn Ngọc P1, ông Nguyễn Thanh H2 và bà Lê Hoàng A thống nhất trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T:

Vợ chồng cụ T1, cụ K1 chết không để lại di chúc. Cụ T1 chết ngày 03/9/1986. Áp dụng Pháp lệnh thừa kế năm 1990, thời điểm mở thừa kế tính từ ngày 30/8/1990. Ngày ông H khởi kiện là ngày 26/3/2020 còn trong thời hiệu khởi kiện. Cụ K1 không có quyền cho đất của cụ T1. Cụ K1 được hưởng ½ diện tích thực tế. Cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T1 cho 8 người (hàng thừa kế thứ nhất là cụ K1 và 7 người con của cụ T1). Đối với diện tích 1.305,9m² đất chưa ai được cấp quyền sử dụng là di sản của cụ T1 và cụ K1 nên chia toàn bộ. Đất ông T đang quản lý sử dụng nên công nhận đất cho ông T. Ông T trả lại giá trị cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Ông T kháng cáo không đưa ra

các chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Các đương sự thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà ngoại khai phá từ trước năm 1954, sau đó ông bà ngoại để lại cho cha mẹ là cụ T1 và cụ K1 sử dụng trồng cây, hoa màu, trên đất có khu mồ mả. Cụ T1 và cụ K1 chết không để lại di chúc.

Cụ Nguyễn Tài T1, chết ngày 03/9/1986, cụ Trần Thị K1, chết ngày 28/4/2004.

Cụ T1 và cụ K1 có 8 người con gồm:

1. Nguyễn Thanh N, sinh năm 1954 chết năm 1987, vợ là Lê Thị Hoàng A, sinh năm 1955, có 3 người con là Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thanh H2.

2. Nguyễn Thanh H6, sinh năm 1957, chết năm 2021, có vợ là Diệp Thị L1, sinh năm 1961 và có 4 người con là Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Dương H3, Nguyễn Thùy L3 và Nguyễn Minh H4.

3. Nguyễn Thành D, sinh năm 1958;

4. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1960;

5. Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1962;

6. Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1965;

7. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968;

8. Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1972, (chết năm 2012 không có chồng, con).

[2.2] Diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2020, ngày 12/8/2024 và trích đo đất tranh chấp tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu gồm ba phần như sau:

Phần 1: Diện tích: 1.181,6m². Hiện trạng đất trồng, xung quanh chu vi xây dựng gạch ống diện tích 20m x 20m, do ông Lê Văn D1 quản lý, (ông T xác định chuyển nhượng cho ông D1).

Diện tích đất 1.181,6m² nêu trên cơ quan chuyên môn xác định, thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng cho Lê Văn D1;

Phần 2: Diện tích 3.299,5m². Hiện trạng trên đất có hai căn nhà diện tích chiều ngang 7,5m x 18,5m và nhà chiều ngang 6m x dài 16m; có khu nhà mồ (đất mồ mả) diện tích 96,5m² và 11 cây dừa của ông T quản lý sử dụng. Diện tích đất trên cơ quan chuyên môn xác định thuộc thửa 257 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T;

Phần 3: Diện tích 1.305,9m². Hiện trạng đất trống không có công trình trên đất, (ông T xác định chuyển nhượng cho ông H5 và bà P2, nhưng ông H5 bà P2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Diện tích 1.305,9m² đất trên cơ quan chuyên môn xác định thuộc thửa 55, 194, một phần thửa 69, tờ bản đồ 41, chưa được cấp giấy quyền sử dụng đất.

Thửa 55, thửa 194 tờ bản đồ 41, do ông Nguyễn Thanh T đứng tên trên Sổ mục kê. Thửa 69, tờ bản đồ 41, do ông Nguyễn Thanh H đứng tên.

[2.3] Nguyên đơn ông H rút một phần yêu cầu chia thừa kế các diện tích đất đã đo đạc thực tế gồm: Diện tích 1.198,5m², diện tích 644,8m²; rút yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà tháo dỡ, rút yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường (29.189.000 đồng + 295.000.000 đồng), nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2.4] Bị đơn không đồng ý chia thừa kế, cho rằng đất được mẹ là cụ K1 cho đã được cấp quyền sử dụng, nhưng cụ K1 không có quyền cho đối với di sản của cụ T1 chết để lại. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất các diện tích nêu trên phần của cụ T1 là có căn cứ. Cấp sơ thẩm cũng xem xét chi phí đổ đất làm tăng giá trị, chia thừa kế và giao hiện vật cho ông T sử dụng. Chia thừa kế cho các đương sự đúng qui định pháp luật. Cụ T1 chết ngày 03/9/1986, áp dụng Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì thời điểm mở thừa kế tính từ ngày công bố là ngày 10/9/1990. Ngày 26/3/2020 ông H có đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu nhận đơn ngày 27/3/2020 (Bút lục 12) và ngày 15/7/2020 ông H có đơn khởi kiện, đóng tạm nộp án phí ngày 15/7/2020 là còn trong thời hiệu khởi kiện. Ông T không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng hết thời hiệu là không có căn cứ. Như đã phân tích ở trên, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và phải tính từ lúc ông H nộp đơn và Tòa án nhân dân huyện Đông Hải tỉnh Bạc Liêu thụ lý, chứ không phải tính từ thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý. Hơn nữa, ông T cũng không đặt ra vấn đề áp dụng thời hiệu từ cấp sơ thẩm, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử nên vấn đề này ông T đặt ra không có căn cứ để xem xét.

Diện tích 1.181,6m² x giá 600.000 đồng/m² = 708.960.000 đồng – chi phí đổ đất 127.500.000 đồng = 581.460.000 đồng.

Diện tích 3.299,5m² - diện tích đất mồ mả 96,5m² = 3.203m² x giá 600.000 đồng/m² = 1.921.800.000 đồng – chi phí đổ đất 100.000.000 đồng = 1.821.800.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị hai phần đất là 2.403.260.000 đồng, nhưng cụ K1 được hưởng $\frac{1}{2}$ là 1.201.630.000 đồng.

Do vậy, chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T1 là 1.201.630.000 đồng cho 8 (hàng thừa kế thứ nhất là cụ K1 và 7 người con của cụ T1) = 150.203.750 đồng.

Đối với diện tích 1.305,9m² đất chưa ai được cấp quyền sử dụng là di sản của cụ T1 và cụ K1 nên chia toàn bộ có giá 600.000 đồng/m² = 783.540.000 đồng – chi phí đổ đất 231.200.000 đồng = 552.340.000 đồng.

Như vậy, giá trị đất 552.340.000 đồng chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ T1 và cụ K1 cho 7 (hàng thừa kế thứ nhất là 7 người con của cụ T1 và cụ K1) = 78.905.714 đồng.

Một kỹ phần là 150.203.750 đồng + 78.905.714 đồng = 229.109.464 đồng.

Do bà Nguyễn Ngọc P không nhận phần thừa kế của cha mẹ để lại, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã chia đúng qui định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, ông T kháng cáo không có căn cứ, không đưa ra tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Các đương sự xuất trình căn cước công dân thể hiện Nguyễn Thành D sinh năm 1958 và Lê Hoàng A sinh năm 1953, không phải là Nguyễn Thanh D3 và Lê Thị Hoàng A nên Tòa án điều chỉnh cho chính xác.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai;

Căn cứ vào Điều 649, khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652, 658, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh T, do rút một phần khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích 1.198,5m², diện tích 644,8m², chia tiền bồi thường (29.189.000 đồng + 295.000.000 đồng); yêu cầu bồi thường thiệt hại giá trị căn nhà.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với ông Nguyễn Thanh T.

2.1. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Lê Hoàng A và anh Nguyễn Thanh H1, anh Nguyễn Thanh M, anh Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1985) mỗi người số tiền là 66.823.593 đồng.

2.2. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Diệp Thị L1 và anh Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1982), anh Nguyễn Dương H3, anh Nguyễn Minh H4 và bà Nguyễn Thùy L3 mỗi người số tiền là 53.458.874 đồng.

2.3. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Thành D số tiền là 267.294.374 đồng

2.4. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Nguyễn Ngọc P1 số tiền là 229.109.464 đồng.

2.5. Buộc ông Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền là 305.479.284 đồng.

3. Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T các phần đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có các phần như sau:

Phần 1: Diện tích: 1.181,6m² thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng cho Lê Văn D1, (do ông T đã chuyển nhượng cho ông D1).

- Hướng Đông giáp đường X- Cái Cùng 13,58m + 1,88m;
- Hướng Tây giáp đất Trần Hoàng P3 10,49m + 4,5m;
- Hướng Nam đất Nguyễn Thanh T 25,99m + 43,22m;
- Hướng Bắc giáp đất Trần Hoàng P3 và đường đất 56,14m + 16,44m + 1,48m.

Phần 2: Diện tích 3.299,5m² thuộc thửa 257, tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh T;

- Hướng Đông giáp đường X- Cái Cùng 0,19m + 19,85m + 23,07m + 38,16m;
- Hướng Tây giáp đất Phan Văn T3 và Trần Hoàng P3 21,85m + 36,50m + 1,87m + 20m + 32,22m + 4,50m;
- Hướng Nam đất Nguyễn Thanh H7 20m + 27,06m + 7,20m;
- Hướng Bắc giáp đất phần 1 ông D1 quản lý 43,22m + 10,49m.

Phần 3: Diện tích 1.305,9m² thuộc thửa 55, 194, một phần thửa 69, tờ bản đồ 41, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hướng Đông giáp đất Huỳnh Thị H8, Trương Hoàng D4, Lâm Văn H9 2,5m + 11,68m + 44,82m + 2,12m + 19,73m;
- Hướng Tây giáp đường X- Cái Cù 14,71m + 3,02m + 22,32m + 7,42m;
- Hướng Nam giáp đường G- Gò Cát 16,98m;
- Hướng Bắc giáp đường X- Cái Cù 41,59m.

4. Ông Nguyễn Thanh T được quyền đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các diện tích được công nhận nêu trên, (trừ diện tích: 1.181,6m² thuộc thửa 245 tờ bản đồ số 41 cấp quyền sử dụng cho Lê Văn D1, do ông T đã chuyển nhượng cho ông D1), theo đúng quy định của pháp luật.

5. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hai lần tổng cộng 10.479.424 đồng, nguyên đơn đã dự nộp, tự nguyện nộp.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Hoàng A, ông Nguyễn Thanh H1, ông Nguyễn Thanh M, ông Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1985) mỗi người phải nộp 3.341.179 đồng.

Bà Diệp Thị L1, ông Nguyễn Thanh H2 (sinh năm 1982), ông Nguyễn Dương H3, ông Nguyễn Minh H4 và bà Nguyễn Thùy L3 mỗi người phải nộp 2.672.943 đồng. Bà Nguyễn Ngọc P1 phải nộp 11.455.473 đồng.

Ông Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 15.273.964 đồng. Ông H đã tạm nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số: AA/2018/0007765 ngày 15/7/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, còn phải nộp tiếp 14.973.964 đồng.

Ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thành D được miễn nộp án phí.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T được miễn án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu HSVA (PĐM).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương